

XE ĐẠP

Dòng dõi tổ tiên của cái xe đạp bắt đầu với cái célérifère, do bá tước Sivrac sáng chế năm 1790, một cái máy bằng gỗ, thô sơ đến nỗi không có cả bánh xe để lái, mỗi khi muốn rẽ, thì phải lắc mạnh phần trước của xe. Năm 1813, na

Dẫu sao, thì kế tiếp cái draisienne cũng là cái bicycle, có đặc điểm là sự mất cân đối giữa hai bánh xe, bánh trước có pêđan to hơn bánh sau nhiều để quăng đường đi trong mỗi vòng đạp chân (hay: mức triển khai) được dài. Bicycle vốn bằng gỗ, từ 1869 đã được làm bằng sắt. Sự chuyển từ bicycle sang xe đạp chủ yếu là công lao của hai người Anh. Năm 1879, Lawson sáng chế bánh sau có động lực, dùng cách truyền động bằng dây xích, rồi cái khung với bộ đùi, đĩa, pêđan, hệ tay lái và phuốc. Năm 1885, J.K. Sartley cho bánh trước có cùng đường kính với bánh sau và làm cái khung bằng ống thép.

John Boyd Dunlop là người mang lại sự cải tiến chủ yếu cuối cùng vào năm 1887. Thật vậy, ông thú y Scotland này là người sáng chế cái bánh hơi bằng cao su, mà Roberton ở Anh và Édouard Michelin ở Pháp làm cho tháo lắp được, năm 1890. Cuối cùng, năm 1920, việc áp dụng các hợp kim nhẹ cho phép giảm trọng lượng của xe được rất nhiều.

Còn cái xe địa hình, thì nó được hoàn chỉnh ở California năm 1973, rồi mười năm sau, được du nhập rất thành công vào Pháp. Được chế tạo để sử dụng ở địa hình hiểm trở, nó không có hệ thống treo và chấn bunn, nhưng lại có bánh xe dày, có lốp đặc biệt bằng cao su cứng và có độ ma sát cao. Dáng thể thao của xe địa hình, cái bicross có bánh nhỏ, một tay lái rộng, một tốc độ (tức là không có đề-ray-ơ) và cấu trúc nhẹ.